

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình số 906/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc “Xin ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn H N Q, sinh năm 1988;

Thường trú: Xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: 527/18/10A tổ 2, khu phố 1, phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê H Q, sinh năm 1977;

Thường trú: Xã Diên Bình, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: 527/18/10A tổ 2, khu phố 1, phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn H N Q, sinh năm 1988;

Thường trú: Xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: 527/18/10A tổ 2, khu phố 1, phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê H Q, sinh năm 1977;

Thường trú: Xã K, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: 527/18/10A tổ 2, khu phố 1, phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn H N Q và ông Lê H Q thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có một (01) con chung tên là Lê N M K sinh ngày 19/7/2013. Ông Quý và bà Quỳnh thỏa thuận giao con chung cho bà Nguyễn H N Q chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

2.4. Nghĩa vụ chung về tài sản: tự thỏa thuận.

2.5. Về án phí HNGĐ: án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng bà Nguyễn H N Q tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn H N Q đã nộp khi khởi kiện theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **AA/2019/0105184 ngày 09/10/2020** của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. bà Nguyễn H N Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm, hoàn lại cho bà Nguyễn H N Q số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 19 Luật thi hành án.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2012 quyền 01/2011 Ủy ban nhân dân xã Diên Bình, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 14/5/2012 cho ông Lê H Q và bà Nguyễn H N Q không còn giá trị sử dụng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THẨM PHÁN**

Đào Tiến Trung